

**Kính ngưỡng bậc chân tu**  
**Terry Lee**



*Hôm trước tôi có bài viết về thầy Trí Siêu. Trong bài có nhắc tới thầy Tuệ Sỹ khi cả hai cùng bị chính quyền Cộng sản Việt Nam kết án tử hình năm 1988. Nên hôm nay viết thêm về thầy Tuệ Sỹ.*

*Thầy tên thật là Phạm Văn Thương sinh ngày 15 tháng 2 năm 1943 tại Paksé, Lào. Xuất gia lúc 7 tuổi tại Lào, khi về nước thầy tu học tại Phật học viện Hải Đức, Nha Trang, rồi sau đó là chùa Già Lam tại Sài Gòn. Thời gian 1970 – 1975, thầy là giáo sư viện đại học Vạn Hạnh. Thầy cũng là Tổng Thư ký của tạp chí Tư tưởng do viện đại học Vạn Hạnh phát hành.*

*Sau 1975 thầy về lại Nha Trang, đến năm 1977 thì vào Sài Gòn sống ở chùa Già Lam. Năm 1978, thầy bị bắt đi học tập cải tạo 3 năm cho tới 1981. Ngày 1 tháng 4 năm 1984 thầy bị bắt cùng với thầy Trí Siêu và tháng 9 năm 1988 hai thầy bị tuyên án tử hình vì tội "tán thành, ủng hộ, che chở, đùm bọc hành động phản cách mạng, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa" (vì tiếp tục lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN), không thừa nhận Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) do chính quyền Cộng sản Việt Nam dựng lên).*

*Sau đó nhờ sự can thiệp của các chính quyền Âu Mỹ, án được giảm xuống thành 20 năm cầm cố. Ngày 1 tháng 9 năm 1998 thầy được thả tự do từ trại Ba Sao, Nam Hà. Mười ngày trước đó, công an yêu cầu thầy ký vào lá đơn xin khoan hồng. Thầy trả lời: "Không ai có quyền xét xử tôi. Không ai có quyền ân xá tôi". Công an nói không viết đơn thì không thả, thầy không viết và tuyệt thực. Cuối cùng, chính quyền Cộng sản đã phải phóng thích thầy sau 10 ngày tuyệt thực.*

Năm 2003, thầy giữ chức vụ Phó Viện trưởng thứ nhất Viện Hóa Đạo của GHPGVNTN. Năm 2020 thầy được Hòa thượng Quảng Độ, Tăng Thống thứ năm GHPGVNTN, phó chức giữ chức vụ Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống. Khi hay tin Hòa thượng Quảng Độ mất, thầy dâng lên giác linh cố Hòa Thượng Quảng Độ bài 'Cảm niệm ân sư', trong đó thầy ca tụng Hòa thượng Quảng Độ bằng mấy câu thơ sau:

Bao độ cà tan, cà nở nụ,  
Mấy mùa lúa rụng, lúa đơm bông,  
Năm tháng mỗi mòn, đầu đã bạc,  
Còn chút lòng son gởi núi sông

...

Hình hài xưa đã cháy,  
Còn lại bát tro tàn,  
Với uy nghiêm Đạo Thống,  
Xin nguyện giữ Cương Duy.  
Ô hô, Phương trượng Thanh Minh còn lưu hình lão hạc,  
Thiền đường Từ Hiếu chưa ấm dánh cổ tùng,  
Thế sự đa đoan, đảo điên nhân ngã,  
Cõi đời phiền phức, đổ kỹ tương tranh.

Chú thích: Chùa Thanh Minh, Sài Gòn, là nơi Hòa thượng Quảng Độ ở từ năm 1992 tới 1995, sau 10 năm bị Cộng sản ép ngài phải về quê Thái Bình mà ở. Năm 1995 ngài bị bắt cùng với Hòa thượng Không Tánh vì tham gia cứu trợ bão lụt và bị xử 5 năm tù. Khi ra tù, ngài về ở chùa Thanh Minh cho tới năm 2018 thì lại bị Cộng sản đuổi về Thái Bình. Nhưng ngài chỉ ở đó vài tháng rồi lại tự ý về Sài Gòn ở chùa Từ Hiếu cho tới khi viên tịch ngày 22/2/2020, thọ 91 tuổi.

Về lý do tại sao thầy Tuệ Sỹ ủng hộ GHPGVNTN mà không ủng hộ GHPGVN thì thầy trả lời như sau:

“Vấn đề Giáo hội (GHPGVNTN) nằm trong Mặt trận Tổ quốc (MTTQ), tôi không chấp nhận. Còn vấn đề liên hiệp giữa hai giáo hội. Tôi nói lập trường của chúng tôi là không có vấn đề liên hiệp. GHPGVN là thành viên của MTTQ, đó là một tổ chức chính trị; chúng tôi không làm chính trị, không liên hiệp với bất cứ tổ chức chính trị nào.

Rồi người ta có nói rằng trong qui chế, trong hiến pháp mình thì đảng lãnh đạo tất cả. Tôi nói tôi biết điểm đó. Tôi còn biết Lenin đã nói ‘đảng phải thông qua tôn giáo để tập hợp quần chúng’. Lenin nói, cán bộ cộng sản nào mà đàn áp tôn giáo là phản động. Lenin không chấp nhận chuyện đàn áp tôn giáo; trong cộng sản không có chuyện đàn áp tôn giáo, đó là Lenin đã chỉ thị. ‘Đảng phải thông qua tôn giáo để tập hợp quần chúng’ có nghĩa là tôn giáo là một công cụ chính trị của đảng.

Vì đảng không đủ khả năng tập hợp, phải mượn tay tôn giáo tập hợp dùm. Mà tôi không bao giờ để cho Phật giáo làm công cụ cho bất cứ đảng phái chính trị nào. Như Liên xô, một đảng phái chính trị, 70 năm thì sụp.

Cứ cho là đảng CSVN tồn tại 1000 năm nữa đi, tôi cũng không bao giờ đem 2500 năm lịch sử truyền thừa Phật giáo ra làm công cụ cho bất cứ đảng phái nào. Tôi còn nói: ‘nếu mà lời nói này của tôi là tự đào hố chôn mình, tôi vẫn sẵn sàng tự chôn mình, chứ không thể chấp nhận chuyện đó.

Còn nếu nói là luật pháp, đúng, tôi tôn trọng luật pháp, nhưng luật pháp mà xâm phạm lý tưởng của tôi, tôi không chấp nhận cái luật pháp đó, chứ đừng có dùng chữ

luật pháp với tôi'. Đúng là ở trong đất nước nào thì phải tôn trọng luật pháp đó, nhưng nếu tự mình đặt ra luật pháp để dùng luật pháp đó xâm phạm tới giá trị, xâm phạm lý tưởng của người khác thì tôi không chấp nhận luật pháp đó, tôi sẵn sàng chịu chết. Tôi đã từng đứng trước bản án tử hình rồi, tôi không sợ, tôi chấp nhận nó. Đây không phải tôi thách thức, mà là vấn đề lý tưởng của mình...".

Trước năm 1975, thầy chỉ có một tác phẩm xuất bản là 'Tô Đông Pha, những phương trời viễn mộng', do nhà xuất bản Ca Dao phát hành năm 1973. Đây là một tác phẩm nghiên cứu về cuộc đời của Tô Đông Pha. Phân tích những bài thơ của Tô Đông Pha, thầy Tuệ Sỹ kết luận: "Tâm Thiên không lời ... trong phương trời viễn mộng của ông.

Nhưng Đạo Thơ có lời cũng là phương trời viễn mộng của ông ... Cả hai cái đó thất chặt rồi buông lơi, như một cuộc giao tình đến để rồi đi; cả hai đưa nhau, đẩy nhau, đưa đẩy mãi lên mấy tầng trời cao diệu, trên những phương trời viễn mộng; đưa đẩy nhau cho đến cùng tuyệt càn khôn, trong bất động, trong vô ngôn; trong phương trời đọa đày viễn mộng".

Theo tôi, thầy Tuệ Sỹ chỉ mượn thơ Tô Đông Pha để nói lên những phương trời viễn mộng của chính thầy.

Nói tới thầy Tuệ Sỹ thì phải nói tới thơ của thầy. Thầy viết không nhiều, nhưng bài thơ nào thầy viết cũng lai láng tình người.

Bài thơ tôi ưng ý nhất của thầy là bài 'Khung trời cũ'.

Đôi mắt ướt tuổi vàng khung trời hội cũ  
Áo màu xanh không xanh mãi trên đồi hoang  
Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ  
Thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn  
Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở  
Đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan  
Cười với nắng một ngày sao chóng thế  
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng  
Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ  
Bụi đường dài gót mỏi đi quanh  
Giờ ngó lại bốn vách tường ủ rũ  
Suối rừng xa ngược nước xuôi ngàn.

Bài này được nhà thơ Bùi Giáng ca ngợi hết lời như sau: "Mới nghe bốn câu đầu thôi, tôi đã cảm thấy lạnh buốt linh hồn, tê cóng cả cõi dạ", rồi phân tích hai câu kế tiếp, ông viết "Mối tình rộng thả suốt biển non im lìm lạnh lẽo. Một hạt muối vẫn chưa tan.

Một nếp u ả của lòng mình bơ vơ không gột rửa. Ta tưởng như nghe ra cao-cách diệu bi hùng của một Liệp Hộ, một Nerval, một chỗ trầm thanh nhất trong cung bậc Nietzsche". Các bạn đọc thơ có thấy sự kỳ diệu trong thơ khi thầy viết từ núi đến biển, dù đã trải qua muôn thuở, mà đỉnh đá trên núi và hạt muối của biển vẫn chưa tan? Bùi Giáng đề nghị với thầy: "Đại sư nên gác bỏ viết sách đi. Và làm thơ tiếp nhiều cho, nếu không thì nên thi ca Việt mất đi một thiên tài quá lớn".

Khi bị tù, thơ thầy vẫn trong sáng, không tỳ vết hận thù. Những bài thơ này được gom lại và được nhà xuất bản Quảng Hương Tùng Thư in thành sách năm 1988 mang tựa đề 'Ngục trung mị ngữ'. Thơ viết bằng chữ Hán. Tôi tin là thầy viết nhiều nhưng có lẽ một số đã bị công an tịch thu và xé bỏ. Không ngạc nhiên khi trong nước văn và thơ

*của thầy đã được in ấn và phát hành, nhưng tập thơ này vẫn chưa được xuất bản trong nước.*

*Xin trích hai bài trong đó. Tôi nghĩ khi đọc hai bài này, các bạn không cần tôi phải nói thêm gì nữa về đức độ của thầy.*

*Bài số 1: Trách lung*

*Trách lung do tự tại*

*Tán bộ nhược nhàn du*

*Tiểu thoại độc ảnh hưởng*

*Không tiêu vĩnh nhật sầu.*

*Tôi tạm dịch:*

*Lòng tự tại trong tù*

*Thong dong tôi tán bộ*

*Cười nói rất thanh thản*

*Ngày tù nhẹ như không.*

*Bài số 3: Cúng dường*

*Phụng thờ ngục tù phạm*

*Cúng dường tối thắng tôn*

*Thế gian thường huyết hận*

*Bình bát lệ vô ngôn.*

*Tôi tạm dịch:*

*Con dâng bát cơm tù*

*Cúng dường đáng chí tôn*

*Thế gian đầy máu hận*

*Nâng bát, lệ tuôn rơi.*

*Phụ chú: Nghe tựa đề ‘Ngục trung mị ngữ’, tôi liền liên tưởng tới tập thơ ‘Ngục trung nhật ký’ của một tác giả Trung Hoa nào đó, mà Hồ Chí Minh ăn cắp nhận là của mình, như Giáo sư Linh mục Lê Hữu Mục đã phân tích xác đáng trong cuốn sách mỏng ‘Hồ Chí Minh không phải là tác giả Ngục Trung Nhật Ký’, phát hành năm 1990 (<http://minhtrietviet.net/.../HO-CHI-MINH-KHONG-PHAI-LA...>).*

*Để kết thúc bài viết, tôi xin mượn lời thầy Tuệ Sỹ viết năm 2003 khuyên các tu sinh ở Huế. Lời khuyên này có thể áp dụng cho tất cả mọi người, không chỉ là các cháu tu sinh Phật giáo. Nó đúng năm 2003 và nó vẫn đúng bây giờ, năm 2022. Và có lẽ ngày nào còn Cộng sản trên nước Việt Nam, nó vẫn đúng.*

*“Các con lớn lên trong thời đại thanh bình, nhưng các con lại bị ném vào giữa một xã hội mất hướng. Quê hương và đạo pháp là những mỹ từ thân thương nhưng đã trở thành sáo rỗng. Các bậc cao tăng thạc đức, một thời đã đánh thức lương tâm nhân loại trước cuộc chiến hung tàn, đã giữ vững con thuyền đạo pháp trong lòng dân tộc, nay chỉ còn lại bóng mờ và quên lãng.*

*Thế hệ các con được giáo dục để quên đi quá khứ. Nhiều người trong các con không biết đến Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất là gì, đã làm gì và cống hiến những gì cho sự nghiệp văn hóa, giáo dục, hòa bình dân tộc, trong những giai đoạn hiểm nghèo của lịch sử dân tộc và đạo pháp của đất nước. Một quá khứ chỉ mới như ngày hôm qua mà di sản vẫn còn đó nhưng đã bị chối bỏ một cách vội vàng. Di sản được*

tích lũy ròng rã hàng thế kỷ, bằng tâm tư của qua bao khổ lụy đau thương, bằng máu và nước mắt của biết bao Tăng Ni, Phật tử, mà những người gây dựng nên di sản đó bằng bi nguyện và hùng lực của mình, có vị bị bức tử bởi bạo quyền, có vị suốt năm tháng dài chịu tù đầy, bị lăng nhục. Nhưng sống hay chết, vinh hay nhục, không làm dao động tâm tư của những ai biết sống và chết xứng đáng với phẩm cách của con người, không hổ thẹn với phẩm hạnh cao quý của bậc xuất gia.

Người xuất gia, khi cất bước ra đi là hướng đến phương trời cao rộng; tâm tính và hình hài không theo thế tục, không buông mình chiều theo mọi giá trị hư dối của thế gian, không cúi đầu khuất phục trước mọi cường quyền bạo lực. Một chút phù danh, một chút thế lợi, một chút an nhàn tự tại; đây chỉ là những giá trị nhỏ bé, tầm thường và giả nguy, mà ngay cả người đời nhiều kẻ còn vất bỏ không tiếc nuối để giữ tròn danh tiết.

Chớ khoa trương bảo vệ Chánh pháp mà thực tế chỉ là ôm giữ chùa tháp làm chỗ ẩn núp cho Ma vương, là nơi tụ hội của cận bã xã hội. Chớ hô hào truyền pháp giảng kinh mà thực chất là mượn lời Phật để xu nịnh vua quan, cầu xin một chút ân huệ dư thừa của thế tục, mua danh bán chức.

Xưa kia, khi vua chúa bắt sự tăng cúi đầu nhận tước lộc của triều đình để làm tôi tớ cho vương hầu, chư Tổ đã sẵn sàng đặt đầu mình trước gươm bén, giữ vững khí tiết của người xuất gia, bước theo dấu chân vô úy, vô cầu của các bậc Thánh Đệ tử, được gói gọn trong thanh quy: ‘Sa môn bất kính vương giả’.

Nhẫn nại đời nhưng không để cho quyền lực đen tối của đời sai sử. Tùy thuận thế gian, nhưng không tự đắm chìm trong dòng xoáy ô trược của thế gian. Các con hãy tự rèn luyện cho mình một tín tâm bất hoại; một đức tính dũng mãnh vô úy; nỗ lực tự huân tập trí tuệ bằng văn, tư, tu để nhìn rõ sự tướng chân nguy, để thấy và biết rõ mình đang ở đâu, đang đi về đâu; không nhắm mắt phóng càn theo cỗ xe lộng lẫy bên ngoài nhưng rệu rã bên trong, đang lao xuống dốc dài không định hướng.

Mỗi thế hệ có vấn đề riêng của nó, do những biến thiên của xã hội chung quanh, do những biến cố dao động mang tính thời đại. Thế hệ của thầy thừa hưởng được nhiều từ Thầy Tổ, nhưng chưa hề báo đáp được ân đức giáo dưỡng cao dày trong muôn một. Chỉ mới tròn ba mươi tuổi đã phải khép lại cổng chùa, vác cuốc lên rừng, xuống biển, cũng mưu sinh lao nhọc như mọi người. Rồi lại vào tù, ra khám, lệnh đênh theo vận nước thăng trầm.

Sở học và sở tri cũng cùn mòn theo tuổi đời, năm tháng. Duy, chưa có điều gì thất tiết để điểm nhục tông môn, uổng công Sư trưởng tài bồi. Một chút niềm tin chưa hề thoái thất, chỉ mong cùng chia sẻ với thế hệ kế thừa. Một thế hệ đang trưởng thành để khơi tỏ ngọn đèn Chánh pháp giữa một đất nước thấm nhuần phong hóa.

Cầu mong các con có đủ dũng mãnh để đi bằng đôi chân của mình, nhìn bằng đôi mắt của mình, tự xác định hướng đi cho chính mình”.

Vâng, thầy đã xác định hướng đi cho chúng ta bằng chính đôi chân của thầy. Câu nói của thầy ở trại giam Ba Sao: “Không ai có quyền xét xử tôi. Không ai có quyền ân xá tôi” cho thấy thầy không sợ hãi khi bị kết án tử hình, và cũng không van xin ân xá để được thả ra khỏi tù. Số phận nghiệt ngã của thầy chính là số phận nghiệt ngã của dân tộc Việt.

Khi nào số phận nghiệt ngã của dân tộc Việt mới chấm dứt? Theo tôi, lịch sử chỉ sang trang khi nào người dân Việt thấy rõ bộ mặt thật của ĐCSVN là một bọn xâm lăng và

*nhìn lại cho đúng cuộc chiến 1945-1975 là cuộc chiến tranh xâm lăng, chứ chẳng phải là cuộc chiến tranh ‘giải phóng miền Nam’, ‘thống nhất đất nước’, ‘nội chiến, huynh đệ tương tàn’ hay ‘ý thức hệ’ gì hết.*

*Ngay cả cuộc chiến tranh chống Pháp do bọn chúng lãnh đạo cũng chỉ là một cuộc chiến tranh xâm lăng mà kết quả là miền Bắc bị xâm lăng trước. Chỉ khi chúng ta thấy chúng ta là kẻ bị xâm lăng thì chúng ta mới có dũng khí để đứng lên lật đổ ách cai trị của bọn xâm lăng. Chỉ khi đó, số phận nghiệt ngã của dân tộc chúng ta mới chấm dứt.*